

Số: 458 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp
ngày 10 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;*

*Căn cứ Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày
29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật
Giám định tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 193/TTr-STP ngày
29 tháng 12 năm 2023 và Văn bản số 480/STP-HC&BTTP ngày 07 tháng 02 năm
2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh tại địa chỉ <https://www.dongnai.gov.vn> và Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp tại địa chỉ <http://stp.dongnai.gov.vn>.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4603/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công bố danh sách người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Q. Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Công TTĐT tỉnh, THNC.



Q. CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP, NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC,
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

I. DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi công tác hoặc nơi cư trú	Lĩnh vực chuyên môn
1	Đặng Việt Thắng	05/9/1965	Sở Tài chính	Tài chính khác
2	Đặng Đình Hải	05/6/1965	Sở Tài chính	Tài chính khác
3	Lê Đức Thuận	20/11/1982	Sở Tài chính	Tài chính khác
4	Nguyễn Văn Anh	02/02/1984	Sở Tài chính	Tài chính khác
5	Đinh Phan Nhật Huy	24/8/1986	Sở Tài chính	Tài chính khác
6	Đỗ Văn Thủy	21/10/1987	Sở Tài chính	Tài chính khác
7	Huỳnh Minh Phước	06/10/1975	Sở Tài chính	Tài chính khác
8	Phạm Nhơn Phúc	26/9/1979	Sở Tài chính	Giá
9	Nguyễn Thị Minh Lý	26/11/1985	Sở Tài chính	Tài chính khác
10	Trần Thị Ngọc Hân	21/6/1986	Sở Tài chính	Tài chính khác
11	Nguyễn Thị Ngọc Lan	05/11/1985	Sở Tài chính	Tài chính khác
12	Đặng Thành Châu	30/5/1968	Sở Tài chính	Tài chính khác
13	Phạm Thị Lành	12/8/1974	Sở Tài chính	Tài chính khác
14	Ngô Thanh Hải	18/02/1979	Sở Tài chính	Tài chính khác

15	Võ Nguyễn Huỳnh Nam	17/9/1985	Sở Tài chính	Tài chính khác
16	Trần Thanh Nhân	22/8/1991	Sở Tài chính	Tài chính khác
17	Lê Đình Toàn	03/9/1974	Sở Tài chính	Tài chính khác
18	Hồ Lê Trung	16/12/1990	Sở Tài chính	Tài chính khác
19	Trịnh Bằng Giang	03/5/1981	Sở Tài chính	Tài chính khác
20	Nguyễn Thị Thanh Phương	14/5/1985	Sở Tài chính	Tài chính khác
21	Trương Thị Trúc Phương	16/6/1987	Sở Tài chính	Tài chính khác
22	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	16/10/1988	Sở Tài chính	Tài chính khác
23	Lê Thị Kim Dung	24/7/1984	Sở Tài chính	Tài chính khác
24	Lê Văn Thích	15/9/1990	Sở Tài chính	Tài chính khác
25	Phạm Thị Quyên	28/4/1987	Sở Tài chính	Tài chính khác
26	Trần Thị Hương Giang	14/12/1972	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo chí xuất bản
27	Phạm Văn Huyền	20/10/1972	Sở Thông tin và Truyền thông	Kỹ thuật điện tử
28	Nguyễn Thanh Hương	18/7/1980	Sở Thông tin và Truyền thông	Thông tin và Truyền thông
29	Bùi Thị Lê Lan	16/8/1981	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo chí
30	Nguyễn Hoàng Chương	10/9/1989	Sở Thông tin và Truyền thông	Công nghệ Thông tin
31	Nguyễn Thị Hà Giang	12/3/1982	Sở Thông tin và Truyền thông	Kỹ thuật điện tử
32	Hồ Nhật Dương Hiếu	03/10/1983	Sở Thông tin và Truyền thông	Kỹ thuật điện tử
33	Trương Văn Thịnh	06/02/1984	Sở Thông tin và Truyền thông	Công nghệ Thông tin
34	Nguyễn Hồng Ân	02/9/1968	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cổ vật
35	Trần Quang Long	09/12/1979	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sản phẩm văn hóa
36	Trần Sỹ Biên	13/02/1984	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	QLCL sản phẩm NLS&TS
37	Nguyễn Ngọc Phương	28/4/1983	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp
38	Hồ Minh Trung	01/12/1968	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thủy sản
39	Nguyễn Công Thành	02/5/1971	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chăn nuôi và Thú y
40	Bùi Minh Tân	12/12/1967	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp
41	Hà Khắc Sơn	11/01/1963	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp

42	Nguyễn Thị Dung	1985	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trồng trọt, bảo vệ thực vật
43	Nguyễn Thanh Bình	1989	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp
44	Ninh Văn Từ	1987	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp
45	Thân Trọng Thắng	1985	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chăn nuôi và Thú y
46	Lý Càn Thành	1976	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thủy sản
47	Hoàng Văn Tuy	02/12/1985	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thủy lợi
48	Nguyễn Văn Hoàn	12/6/1975	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thủy lợi
49	Nguyễn Lê Minh	07/12/1989	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trồng trọt, bảo vệ thực vật
50	Võ Thị Hồng Thúy	03/8/1980	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trồng trọt, bảo vệ thực vật
51	Trương Quốc Đạt	16/11/1981	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp
52	Nguyễn Đức Lợi	08/4/1986	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp
53	Nguyễn Hồng Tâm	06/6/1986	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp
54	Nguyễn Văn Dự	20/11/1986	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp
55	Phạm Phú Lâm	20/06/1969	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải
56	Nguyễn Hùng Vỹ	20/08/1979	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải
57	Nguyễn Công Đăng	03/12/1973	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải
58	Đặng Tấn Dũng	02/01/1969	Sở Giao thông vận tải	Công trình giao thông
59	Huỳnh Huy Bảo	10/02/1978	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải
60	Trần Minh Lợi	25/01/1983	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải
61	Nguyễn Sơn Hải	28/02/1978	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải
62	Nguyễn Hoàng Dũng	13/7/1976	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải
63	Nguyễn Minh Trung	03/3/1979	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải
64	Huỳnh Ngọc Bảo Thủy	25/01/1981	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải
65	Bà Quang Rol	13/3/1981	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải
66	Nguyễn Văn Đông	25/8/1981	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải
67	Nguyễn Thế Thái	28/6/1980	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải

68	Phạm Ngọc Tuấn	03/12/1977	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải
69	Nguyễn Trần Duy Ngọc	01/4/1984	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải
70	Lê Văn Bình	02/01/1975	Sở Tài nguyên và Môi trường	Môi trường
71	Trần Tuấn Hưng	09/01/1983	Sở Tài nguyên và Môi trường	Môi trường
72	Huỳnh Văn Tuấn	17/8/1978	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đất đai
73	Trịnh Quốc Dũng	24/10/1980	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đất đai
74	Trương Quốc Hiệp	10/10/1978	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đất đai
75	Chu Văn Đồng	05/4/1979	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đo đạc bản đồ
76	Mai Công Khiển	15/8/1972	Sở Tài nguyên và Môi trường	Khoáng sản
77	Nguyễn Văn Chuyên	9/01/1969	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tài nguyên nước
78	Nguyễn Thành Vương	28/3/1979	Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp
79	Tạ Thị Hương Huệ	13/5/1983	Sở Công Thương	An toàn thực phẩm
80	Đặng Trần Nhật Thoại	10/11/1974	Sở Công Thương	Thương mại
81	Tăng Kim Lê	22/9/1980	Sở Công Thương	Xúc tiến thương mại
82	Trần Minh Đạt	03/01/1979	Sở Công Thương	Lĩnh vực điện lực
83	Nguyễn Thị Lan	03/3/1978	Sở Công Thương	Lĩnh vực hóa chất
84	Phan Tấn Lợi	29/3/1974	Sở Công Thương	Lĩnh vực điện lực
85	Đoàn Hùng Minh	13/11/1979	Sở KH&CN	Công nghệ, thiết bị, máy móc
86	Nguyễn Thị Hạnh	12/11/1986	Sở KH&CN	Năng lượng nguyên tử
87	Nguyễn Hòa Thuận	24/8/1963	Sở Xây dựng	Xây dựng
88	Vũ Thanh Tài	22/7/1977	Sở Xây dựng	Xây dựng
89	Nguyễn Hữu Khánh	02/02/1981	Sở Xây dựng	Chất lượng công trình
90	Nguyễn Thành Đức	01/01/1985	Sở Xây dựng	Chi phí xây dựng công trình
91	Trần Mạnh Quân	09/8/1990	Sở Xây dựng	Chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng
92	Nguyễn Trọng Bảo	22/10/1983	Sở Xây dựng	Chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng

	Bach Sĩ Vĩnh	10/9/1984	Sở Xây dựng	Chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng
93	Phạm Quốc Tiếp	26/5/1979	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Cơ học
94	Vũ Văn Hiếu	20/3/1976	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Cháy, nổ
95	Trần Vĩnh Trung	22/12/1971	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Cháy, nổ
96	Võ Tấn Quỳnh	29/11/1980	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Cơ học
97	Võ Thái Nam	8/01/1991	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Cháy, nổ
98	Cao Đình Chung	27/5/1974	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Hóa học
99	Lê Phúc Bảo	04/10/1974	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Tài liệu
100	Phạm Thị Hoàng Mai	05/11/1984	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Hóa học
101	Hoàng Vĩnh Phương	30/9/1986	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Tài liệu, đường văn
102	Nguyễn Lê Phương	07/10/1981	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Cơ học
103	Phan Đình Hòa	13/01/1990	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Hóa học
104	Hoàng Ngọc Giang	23/5/1978	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Tài liệu
105	Phạm Thị Thanh Nhân	11/11/1982	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Hóa học
106	Trần Đại Nghĩa	28/02/1987	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Tài liệu
107	Trần Lương Đức	18/10/1973	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Pháp y
108	Lê Xuân Trung	12/10/1991	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh	Pháp y
109	Đậu Đức Anh	27/5/1983	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
110	Nguyễn Thanh Tâm	25/10/1975	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
111	Hồ Hoàng Trường	22/8/1983	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
112	Đỗ Quang Tiến	18/11/1972	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
113	Huỳnh Ái Quốc	12/12/1972	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
114	Vũ Anh Cường	09/9/1968	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
115	Nguyễn Văn Hiệp	06/5/1965	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
116	Trương Thanh Quyền	01/11/1980	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
117	Nguyễn Kim Thư	04/9/1976	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế

119	Nguyễn Đức Hùng	14/02/1969	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
120	Hà Thị Kim Huệ	12/12/1983	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
121	Phạm Thanh Hà	20/11/1973	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
122	Nguyễn Thọ Tài	10/01/1974	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
123	Phạm Văn Thái	05/7/1971	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
124	Đoàn Quốc Bảo	25/11/1982	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
125	Phạm Hữu Hùng	03/3/1974	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
126	Nguyễn Xuân Du	06/12/1971	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
127	Nguyễn Thị Minh	23/3/1972	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
128	Trần Ngọc Luận	09/10/1976	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
129	Nguyễn Thị Lệ An	17/3/1971	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
130	Vũ Ngọc Linh	09/11/1976	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
131	Nguyễn Quang Sáng	23/01/1972	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
132	Nguyễn Trường Giang	18/02/1987	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
133	Lê Thị Lan	10/5/1973	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
134	Nguyễn Khắc Trung	27/02/1970	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
135	Nguyễn Thị Liễu	03/11/1980	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
136	Nguyễn Đức Nam	20/01/1978	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
137	Trần Xuân Lâu	04/11/1970	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
138	Nguyễn Văn Oanh	07/4/1968	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
139	Lê Văn Tấn	14/11/1966	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
140	Đặng Thị Thu Thảo	24/02/1977	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Thuế
141	Trần Quang Khải	13/6/1969	Cục Quản lý thị trường	Công thương
142	Tạ Văn Cương	02/4/1982	Cục Quản lý thị trường	Công thương
143	Trương Quốc Cường	11/4/1974	Cục Quản lý thị trường	Công thương
144	Mai Tấn Lộc	05/8/1978	Cục Quản lý thị trường	Công thương

145	Bùi Xuân Thu	06/7/1973	Cục Quản lý thị trường	Công thương
146	Tạ Văn Cường	02/02/1978	Cục Quản lý thị trường	Công thương
147	Phùng Thị Ngọc Thảo	19/10/1976	Cục Quản lý thị trường	Công thương
148	Dương Thành Trùng	05/3/1977	Cục Quản lý thị trường	Công thương
149	Nguyễn Văn Quyền	10/6/1973	Cục Quản lý thị trường	Công thương
150	Nguyễn Gió	15/5/1981	Trung tâm pháp y Đồng Nai	Pháp y
151	Võ Thanh Hòa	03/3/1983	Trung tâm pháp y Đồng Nai	Pháp y
152	Nguyễn Trí Thắng	20/10/1982	Trung tâm pháp y Đồng Nai	Pháp y
153	Phạm Xuân Giang	23/4/1980	Trung tâm pháp y Đồng Nai	Pháp y

II. DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH VIỆN TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Nơi công tác hoặc nơi cư trú
1	Nguyễn Xuân Lợi	11/01/1966	Pháp y tâm thần	Bệnh viện tâm thần Trung ương II
2	Lê Thị Hoài Nam	23/11/1974	Xây dựng	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng
3	Đoàn Tuấn Phong	02/6/1983	Xây dựng	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng
4	Lê Văn Tuấn	15/02/1978	Xây dựng	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng
5	Nguyễn Tín Trung	28/5/1978	Xây dựng	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng
6	Bùi Xuân Dương	05/8/1979	Xây dựng	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng
7	Huỳnh Tuấn Khanh	25/02/1974	Xây dựng	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng
8	Trần Ngọc Quyền	13/9/1973	Xây dựng	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng

9	Trịnh Thị Kim Phụng	04/12/1981	Xây dựng	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng
10	Trần Thanh Vũ	03/5/1979	Xây dựng	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng
11	Phan Thị Hà	02/8/1974	Tiền tệ - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
12	Nguyễn Thanh Phong	31/01/1964	Tiền tệ - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
13	Phạm Thanh Hữu	13/11/1983	Tiền tệ - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
14	Vũ Hải Tân	17/01/1975	Tiền tệ - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
15	Nguyễn Mạnh Hà	21/01/1983	Tiền tệ - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
16	Nguyễn Thị Hương	23/12/1989	Tiền tệ - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
17	Võ Tá Trọng	13/7/1981	Tiền tệ - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
18	Nguyễn Thị Xuân Dung	05/6/1984	Tiền tệ - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
19	Hoàng Thị Hằng	20/10/1982	Tiền tệ - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
20	Nguyễn Thanh Thủy	17/10/1980	Tiền tệ - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
21	Nguyễn Thị Hạ Lan	15/4/1988	Tiền tệ - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
22	Nguyễn Thị Hoàng Nga	30/10/1979	Tiền tệ - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai
23	Hoàng Thị Thủy Liên	4/11/1988	Tiền tệ - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai

III. TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP

STT	Tên tổ chức	Số, ngày, tháng, năm thành lập	Địa chỉ tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn
1	Trung tâm Pháp y - Sở Y tế	Quyết định số 3811/2005/QĐ-UBND ngày 04/11/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số 22 Nguyễn Hiền Vương, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Pháp y
2	Phòng Kỹ Thuật hình sự - Công an tỉnh	Quyết định số 21/QĐ-BNV ngày 06/3/1984 của Bộ Nội vụ	Số 47 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ĐT: 069.3480191	Kỹ thuật hình sự
3	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa - Bộ Y tế	Quyết định số 1836/QĐ-TTg ngày 29/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Số 1310A Nguyễn Ái Quốc, khu phố 7, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Pháp y tâm thần

IV. TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

STT	Tên tổ chức	Số, ngày, tháng, năm thành lập	Địa chỉ tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn
1	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng (Tên cũ trên trang Web: Trung tâm Kiểm định và Tư vấn XĐ Đồng Nai)	QĐ số 2678/QĐ-CT.UBT ngày 30/06/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai	Số 38 Phan Chu Trinh, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ĐT: 0251.3846193 FAX: 0251.3840861	Giám định Tư pháp các lĩnh vực xây dựng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật (theo ND 62/2016/ND-CP ngày 1/7/2016)